TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KONTUM** **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2017/HS-ST.
Ngày: 19/9/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM - TỈNH KONTUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thập và bà Nguyễn Thị Sương.

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên Toà*:** Bà Nguyễn Thị Hương Duyên - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Kon Tum.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại Hội trường tổ dân phố 1, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 42/2017/HSST ngày 25 tháng 5 năm 2017, đối với bị cáo:

Trần Thế N (tên gọi khác: Đ) sinh năm 1995, tại tỉnh Kon Tum; Trú tại: Tổ 3, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn 12/12; Con ông Trần Văn H, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1976; gia đình có 3 anh em, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/5/2017 đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn H1, sinh năm 1972, trú tại: Tổ 3, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum, có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố về hành vi phạm tội như sau: Ngày 02/5/2017 bị cáo Trần Thế N đang ở thành phố Kon Tum gọi điện thoại cho **T** (chưa rõ nhân thân lai lịch) ở Thành phố Hồ Chí Minh để hỏi mua ma túy đá với số tiền 2.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, N mua 04 thẻ cào điện thoại, mỗi thẻ mệnh giá 500.000 đồng rồi sử dụng điện thoại của mình gửi mã số thẻ cào cho T. Đến khoảng 17h30’ ngày 07/5/2017 T gọi điện cho N ra cầu ĐăkBla, thành phố Kon Tum đón xe khách Bắc Nam nhận ma túy. N liền điều khiển xe mô tô BKS 82K1 - 7628 đến điểm hẹn, khoảng 5 phút sau có một xe ô tô khách (không rõ hãng xe và biển số xe) đến nơi, thì có thanh niên phụ trên xe (chưa rõ nhân thân lai lịch) giao cho N một vỏ hộp điện thoại màu xanh, dán keo bên ngoài, N biết

bên trong có ma túy đá. Sau đó Nam đem gói ma túy đó đến phòng 102 nhà nghỉ Romance, số 225 T, thành phố K phân chia thành 05 gói rồi bỏ vào vỏ bao thuốc lá hiệu White Horse và để ở giường trong phòng khách sạn nhằm mục đích sử dụng. Khoảng 00h10' ngày 08/5/2017 cũng tại phòng khách sạn trên, N rủ Đỗ Thị Minh **Ng** sử dụng ma túy đá, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị Công an thành phố Kon Tum lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ của Nam 05 gói chất tinh thể rắn màu trắng đựng trong vỏ bao thuốc lá hiệu White Horse, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đỏ, 01 kéo bằng kim loại màu trắng và 224.000 đồng.

Kết luận giám định số 28/KLGĐ ngày 09/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kon Tum, kết luận: 05 gói chất tinh thể màu trắng đựng trong bì ni lông dán kín (được niêm phong) gửi giám định là Methamphetamine có trọng lượng **1,122** gam(sau giám định còn lại: **0,972** gam), là chất ma túy được quy định trong Danh mục II, STT 67 Nghị định số 82/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của chính phủ.

Cáo trạng số 64/KSĐT-MT ngày 25/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum truy tố bị cáo Trần Thế N về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viên kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự 2015 và điểm b, d khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xử phạt bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù. Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 0,972 gam Methamphetamine, 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy đá, 01 vỏ gói thuốc lá White Horse, 01 kéo bằng kim loại màu trắng; Tịch thu xung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đỏ; Trả lại cho bị cáo số tiền 224.000 đồng.

Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có cơ sở khẳng định:

Khoảng 17 giờ 35 phút ngày 07/5/2017 tại khu vực cầu Đăk Bla thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum bị cáo Trần Thế N đã mua một lượng ma túy của đối tượng tên T ở thành phố Hồ Chí Minh với giá 2.000.000 đồng về cất giấu nhằm mục đích để sử dụng, mà không được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và khi thực hiện hành vi bị cáo đã đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, số lượng ma túy bị cáo mua về cất giấu để sử dụng là **1,122**gam Methamphetamine, đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo

quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Do đó cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm đến an toàn công cộng và trật tự công cộng, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn mong muốn thực hiện. Do đó Hội đồng xét xử phải xử phạt bị cáo mức án thật nghiêm minh, cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự 2015 và nghị quyết của Quốc hội về thực hiện quy định có lợi cho người phạm tội, như sau:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được thể hiện trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, luôn tỏa ra ăn năn hối cải, xin lỗi bà, cha mẹ và hứa không tái phạm, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Cha mẹ bị cáo ly hôn hơn 10 năm nay, từ thời gian đó bị cáo ở với bà nội, nên có phần thiếu sự chăm sóc, giáo dục trực tiếp từ cha mẹ.

Về áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội: Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự 2015 và Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015 về áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội (*do quy định mới của pháp luật theo hướng có lợi cho bị cáo*), Hội đồng xét xử nhận thấy: Mức hình phạt tù quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự 1999 (từ **2 - 7** năm) là cao hơn mức hình phạt tù quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự 2015(từ **1 - 5** năm), do đó Hội đồng xét xử sẽ áp dụng khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự 2015 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự thì: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, ...*". Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thì bị cáo không nghề nghiệp, không có tài sản. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo không có điều kiện để chấp hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nên quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- 0,972 gam Methamphetamine, 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy đá, 01 vỏ gói thuốc lá White Horse, 01 kéo bằng kim loại, 01 điện thoại di động là công cụ phạm tội, vật cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng, căn cứ điểm a, đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại di động NOKIA là tài sản của bị cáo, bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 của BLHS; điểm a, khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước;

- Số tiền 224.000đồng (tiềnVNĐ) thu của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại xe mô tô BKS 82K1-7628 cho anh Trần Văn H là đúng quy định của pháp luật. Anh H không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Hành vi của bị cáo Nam rủ Đỗ Thị Minh Ng là người nghiện ma túy cùng sử dụng chất ma túy, nhưng chưa sử dụng thì bị Cơ quan công an phát hiện, và Ng không biết N cất dấu trái phép ma túy, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý về hình sự đối với Ng và hành vi trên của N là đúng quy định.

Đối với T là người bán ma túy cho N và người phụ xe ô tô khách đưa ma túy cho N. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không xác định được nhân thân lai lịch.

Đối với ông Vũ Hồng T là chủ khách sạn, nhưng ông không biết N cất dấu ma túy trong phòng, nên ông không có lỗi trong việc cho bị cáo thuê phòng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Thế N** (tên gọi khác: Đ) phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự 2015 và điểm b, d khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về thi hành Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo **Trần Thế N** (tên gọi khác: Đ): **13** (mười ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (**08/5/2017**).

3. *Về vật chứng*: Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 0,972 gam Methamphetamine, 01 bộ dụng cụ dùng để sử dụng ma túy đá, 01 vỏ gói thuốc lá White Horse, 01 kéo bằng kim loại màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đỏ.
- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động NOKIA.
- Trả cho bị cáo số tiền **224.000** đồng (Hai trăm, hai mươi bốn nghìn đồng).

Tất cả các vật chứng trên đều có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 07/9/2017 giữa Cơ quan điều tra và cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

5. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thế N phải chịu **200.000** (*Hai trăm nghìn)*đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/9/2017).

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chê thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)

***Nơi nhận*:**
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tp. Kon Tum;
- Công an tp. Kon Tum;
- Chi cục THADS tp. Kon Tum;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Hoài